

Số: 47 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024, như sau:

I. MỤC TIÊU NĂM 2024

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục triển khai một số nội dung Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là DTTS&MN), từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các DTTS trên địa bàn 24 xã khu vực I theo Quyết định số 861/2021/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu

vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; thúc đẩy phát triển kinh tế nhằm giúp đồng bào DTTS giảm nghèo bền vững và hạn chế tái nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị, xã hội vùng DTTS&MN trên địa bàn tỉnh.

d) Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác dân tộc, thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2023 - 2025.

đ) Bố trí đầy đủ, kịp thời các nguồn lực để thực hiện tốt các chế độ, chính sách, chương trình, dự án thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN (viết tắt là Chương trình). Lồng ghép Chương trình vào các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, kế hoạch khác, đồng thời tăng cường huy động nguồn lực của cộng đồng, đặc biệt là nguồn lực của chính người dân vùng DTTS&MN để thực hiện chương trình hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Bố trí đầy đủ, kịp thời các nguồn lực để thực hiện tốt các chế độ, chính sách, chương trình, dự án thuộc Chương trình. Lồng ghép Chương trình vào các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, kế hoạch khác, đồng thời tăng cường huy động nguồn lực của cộng đồng, đặc biệt là nguồn lực của chính người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện chương trình hiệu quả.

b) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong đồng bào DTTS giảm 2%.

c) Giải quyết 50% nhu cầu tối thiểu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, giáo dục, chuyển đổi nghề và đào tạo nghề giải quyết việc làm của các hộ DTTS, hộ nghèo, cận nghèo; xóa nhà tạm cho trên 35% số hộ DTTS nghèo.

d) Trên 50% ấp có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa.

đ) Trên 50% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng và duy tu bảo dưỡng.

e) Trên 90% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.

g) Trên 70% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

h) 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình, nghe đài phát thanh và điện thoại liên lạc.

i) Rà soát số hộ dân cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí số hộ DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

k) Trên 90% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế.

l) Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

m) Trên 80% ấp/khu phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% ấp/khu phố có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

Triển khai thực hiện 10 Dự án, 9 Tiểu dự án và 22 nội dung trên địa bàn 24 xã khu vực I, cụ thể:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt gồm 4 nội dung thực hiện:

- a) Hỗ trợ đất ở.
- b) Hỗ trợ nhà ở.
- c) Hỗ trợ đất sản xuất.
- d) Hỗ trợ nước sinh hoạt.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

3. Dự án 3: Phát triển nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, gồm 2 Tiểu dự án và 2 nội dung, cụ thể:

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN, gồm 2 nội dung:

- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Nội dung số 3: Hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS.

b) Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế - xã hội, mô hình bộ đội gắn với đồng bào DTTS&MN.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN, gồm 2 nội dung:

a) Nội dung số 01: Đối với tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, ấp vùng DTTS&MN

b) Nội dung số 2: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gồm 4 Tiểu dự án và 2 nội dung, cụ thể:

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố hoạt động các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS, gồm 2 nội dung:

- Nội dung số 1: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Nội dung số 2: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng DTTS&MN.

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS&MN.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình các cấp.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, gồm 02 nội dung:

a) Nội dung số 1: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS.

b) Nội dung số 2: Phát triển du lịch kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vùng DTTS.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em người DTTS, gồm 4 nội dung:

a) Nội dung số 1: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em người DTTS.

b) Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em người DTTS.

c) Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện xã hội; hỗ trợ phụ nữ trong tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

d) Nội dung số 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng ấp, các chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng người DTTS.

9. Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MNM.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, gồm 3 Tiểu dự án và 10 nội dung, cụ thể:

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò cho người uy tín; phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai Chương trình, gồm 2 nội dung:

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

- Nội dung số 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng DTTS&MN, gồm 4 nội dung:

- Nội dung số 01: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- Nội dung số 02: Nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương.

- Nội dung số 03: Hỗ trợ smartphone cho đồng bào DTTS để khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin về công tác dân tộc.

- Nội dung số 04: Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

III. VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng nguồn vốn thực hiện dự kiến: 629.718.400.000 đồng từ nguồn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp, vốn đầu tư công), vốn vay tín dụng từ Ngân hàng chính sách xã hội và vốn huy động hợp pháp khác, cụ thể:

1. Kinh phí thực hiện các dự án của Chương trình: 571.173.200.000 đồng, dự kiến huy động từ các nguồn:

a) Ngân sách trung ương: 452.000.000 đồng.

b) Ngân sách tỉnh: 397.065.000 đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư công: 224.147.300.000 đồng.

- Vốn sự nghiệp: 172.917.700.000 đồng.

c) Vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội: 168.889.000.000 đồng.

d) Nguồn vốn huyện đối ứng: 60.000.000 đồng.

đ) Vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân khác.

2. Dự phòng 5% kinh phí thực hiện các dự án của Chương trình: 29.986.600.000 đồng.

3. Kinh phí quản lý: 28.558.700.000 đồng.

(Kèm theo Biểu tổng hợp vốn thực hiện Chương trình năm 2024)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo và hộ có khó khăn đặc thù.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

c) Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

d) Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

đ) Hải hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

e) Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp thực hiện Chương trình

a) Xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025.

b) Xây dựng Hướng dẫn của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025.

c) Xây dựng Quyết định của UBND tỉnh về quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025.

d) Tổ chức tập huấn hướng dẫn cán bộ công chức các cấp và già làng, trưởng ấp, người có uy tín là thành viên tham gia thực hiện Chương trình.

đ) Rà soát thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn 24 xã khu vực I và 58 ấp thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi không nằm trong xã khu vực I theo điểm a khoản 8 của Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 10/3/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2020.

e) Hướng dẫn UBND các huyện và thành phố rà soát, phê duyệt danh sách thụ hưởng các dự án, tiểu dự án Chương trình năm 2024.

g) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024.

h) Phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện một số nội dung dự án, tiểu dự án tại Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh.

3. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; có giải pháp huy động hợp lý các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài.

b) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

4. Về cơ chế quản lý, thực hiện

a) Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 về thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 về kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025.

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện kiện toàn bộ máy Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

b) Cơ quan tham mưu điều phối Chương trình

Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực tham mưu điều phối Chương trình, có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức thuộc các phòng ban chuyên môn tham mưu các nội dung liên quan đến Chương trình giai đoạn 2023 - 2025 và giúp việc cho Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

c) Về cơ chế thực hiện

- Cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình giai đoạn 2023 - 2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện cơ chế phân cấp theo quy định; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với một số dự án của Chương trình theo quy định.

- Thực hiện cơ chế phân cấp theo quy định; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với một số dự án của Chương trình theo quy định.

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình. Ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn, đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2023 - 2025 và hàng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra.

- Áp dụng cách tiếp cận chính sách hỗ trợ, đầu tư dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

5. Về công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân đồng bào các DTTS nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào DTTS; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS, nhất là người DTTS nghèo, cận nghèo.

V. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THỰC HIỆN

1. Giao Ban Dân tộc tỉnh

a) Cơ quan thường trực quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án Chương trình; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ công chức các cấp tham gia triển khai thực hiện chương trình.

c) Tổng hợp, dự toán chi tiết thực hiện và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình năm 2024 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

d) Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể năm 2024 để thực hiện Chương trình đối với cấp huyện, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

đ) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh.

g) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình ở cấp huyện, cấp xã; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Ủy ban Dân tộc, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.

b) Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí (vốn đầu tư công), chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch giai đoạn 2023 - 2025 và kế hoạch hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản liên quan hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản xây dựng kế hoạch, tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách; triển khai thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp) kết quả thực hiện theo quy định.

b) Chủ động phối hợp Ban Dân tộc tỉnh triển khai hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án Chương trình; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức các cấp tham gia triển khai thực hiện Chương trình được phân công chủ trì.

c) Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban ngành, địa phương.

d) Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp Ban Dân tộc tỉnh và sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì theo quy định gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia địa phương rà soát, phê duyệt danh sách thụ hưởng từng hạng mục cụ thể, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh) để phân bổ nguồn vốn thực hiện theo quy định.

b) Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

c) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

d) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

đ) Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

e) Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội: Giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024; đề nghị các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh) **trước ngày 30/11/2024** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Dân tộc theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Đài PT&TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (VKGX);
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, KGVX (N).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



BIỂU TỔNG HỢP

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Tên dự án, tiểu dự án và các nội dung Chương trình	Vốn thực hiện dự năm 2024				
		Tổng nguồn vốn thực hiện	Vốn đầu tư công	Vốn sự nghiệp	Vốn NH CSXH	Vốn khác
I	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	96.978,6	45.672	11.210,4	35.389,2	4.707
a	Hỗ trợ đất ở	4.785,0		2.640	1.650	495
b	Hỗ trợ nhà ở	37.716,0	22.272		11.232	4.212
c	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	28.633,2		6.126	22.507,20	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt	25.844,4	23.400	2.444,40		
II	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	40.065,0	35.565	4.500		
III	Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	154.005	0	20.505	133.500	0
1	Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	0,0				
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,0				
a	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	73.095		1.095	72.000	
b	Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	0				
c	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	80.910		19.410	61.500	
3	Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0				
IV	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	128.263,8	128.203,8	0	0	60

1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	123.703,8	123.643,8			60
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.560,0	4.560			
V	Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	22.680,4	2.106,5	20.574	0	0
1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	1.447,3	1.327,3	120		
2	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.807,8		4.807,8		
3	Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8.403,6	779	7.624,4		
4	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	8.021,6		8.021,6		
VI	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	67.378,2	7.800	59.578	0	0
VII	Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	21.688,3	4.800	16.888,32	0	0
VIII	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.313,9	0	1.313,9	0	0
IX	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	361,8	0	361,8	0	0
X	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	38.438,2	0	37.986,2	0	452

1	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	15.306,8		14.854,8		452
a	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	0,0				
b	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số	0,0				
c	Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,0				
2	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.516,2		1.516,2		
3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	21.615,2		21.615,2		
Tổng vốn dự kiến thực hiện		571.173,2	224.147,3	172.917,7	168.889	5.219
XI	Kinh phí quản lý	28.558,7	11.207,4	8.645,9	8.444,5	261,0
XII	Vốn Dự phòng	29.986,6	11.767,7	9.078,2	8.866,7	274,0
TỔNG		629.718,4	247.122,4	190.641,7	186.200,3	5.754